

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế
của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa Hải quan giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1614/QĐ-BTC ngày 19/7/2016 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *llc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để báo cáo);
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ;
- Lưu: VT, HTQT (03b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Căn

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2016

KẾ HOẠCH
HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ
CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **4429/QĐ-TCHQ** ngày 21/12/2016
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2016-2020 được xây dựng xuất phát từ những yêu cầu tại các căn cứ pháp lý sau:

- Điều 6, Điều 96 Luật Hải quan 2014 quy định về hoạt động Hợp tác quốc tế về hải quan và Thu thập thông tin hải quan ở nước ngoài;

- Quy định tại Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

- Quyết định số 1048/QĐ – BTC ngày 16/5/2016 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế - Tổng cục Hải quan;

- Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa Hải quan giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm Quyết định số 1614/QĐ-BTC ngày 19/7/2016 của Bộ Tài chính; và

- Chiến lược Phát triển ngành Hải quan đến năm 2020 đã được Chính phủ thông qua được ban hành kèm theo Quyết định số 1614/QĐ-BTC ngày 25/03/2011 của Thủ tướng Chính Phủ.

Ngoài các căn cứ pháp lý nói trên, Kế hoạch này còn được xây dựng do các yêu cầu khách quan như tình hình, bối cảnh và xu hướng về hợp tác kinh tế quốc tế nói chung và hợp tác hải quan nói riêng. Với việc hội nhập sâu, rộng như hiện nay, mỗi một đơn vị trong ngành đều phải nhận thức đầy đủ về các nghĩa vụ quy định tại các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan để chủ động triển khai thực hiện và phối hợp khi có yêu cầu.

Kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế 2016-2020 đặt ra các mục tiêu dưới đây:

- Duy trì và tăng cường hợp tác thực chất với các cơ quan Hải quan trên thế giới nhằm tạo thuận lợi thương mại và tăng cường kiểm soát đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng cấm và các chất ma túy qua biên giới;

- Đảm bảo việc đàm phán, triển khai, thực hiện các cam kết về hội nhập liên quan đến Hải quan một cách hiệu quả, đáp ứng mục tiêu bảo vệ lợi ích chủ quyền kinh tế quốc gia;

- Đảm bảo công tác hợp tác và hội nhập quốc tế được theo dõi, đôn đốc, giám sát và đánh giá kết quả một cách thường xuyên, kịp thời;

- Khẳng định được hình ảnh và thể hiện được vai trò chủ động, tích cực và là thành viên có trách nhiệm trên các diễn đàn Hải quan quốc tế, đa phương và khu vực;

- Tìm kiếm các nguồn lực về tài chính, kỹ thuật, nghiệp vụ, trang thiết bị... phục vụ quá trình cải cách, hiện đại hóa Hải quan.

Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc dưới đây:

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện “*Kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020*” cần đảm bảo cụ thể, khả thi, có kết quả rõ ràng và đảm bảo tiến độ triển khai các cam kết quốc tế;

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, người đứng đầu trong tổ chức triển khai thực hiện;

- Quy định rõ cơ chế kiểm tra việc thực hiện, chế độ báo cáo, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;

- Công tác hợp tác và hội nhập quốc tế của Hải quan Việt Nam phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị và các định hướng ưu tiên phát triển trực tiếp của Ngành.

Phần I

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Hợp tác song phương và thực hiện các cam kết song phương.

1.1 Hợp tác song phương:

Trong thời gian qua, hợp tác với Hải quan các nước đã được mở rộng từ các nước bạn bè truyền thống sang hợp tác với hải quan các nước có quan hệ kinh tế thương mại lớn với Việt Nam. Hoạt động hợp tác quốc tế nhằm mục đích quản lý tốt hơn hoạt động xuất nhập khẩu thông qua việc trao đổi thông tin nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm nghiệp vụ. Nhiều hiệp định, thoả thuận hợp tác hải quan đã được ký kết, nhằm nâng cao hiệu quả tạo thuận lợi cho hàng hoá xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh qua biên giới, đồng thời tăng cường đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển các chất ma tuý hàng cấm qua biên giới, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật đảm bảo an ninh, chủ quyền lợi ích kinh tế quốc gia. Các kết quả đạt được như sau:

- Về ký kết các Hiệp định/Thoả thuận hợp tác Hải quan: Cho đến nay Hải quan Việt Nam đã ký kết các Thoả thuận/Hiệp định hợp tác Hải quan với các nước : Trung Quốc, Hàn Quốc, Lào, Cam Pu Chia, Mông Cổ, Bê-la-rus, U-crai-na, Liên Bang Nga, A-déc-bai-gian, Ấn Độ, I-ta-li-a, Pháp, Pê-ru, Ac-hen-ti-na, I-iran, Ôt-xơ-rây-li-a, Niu-di-lân, Hồng Kông,... Các thoả thuận quốc tế và điều ước quốc tế đã tạo dựng khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động hợp tác và trợ giúp

lẫn nhau về các vấn đề hải quan không chỉ tăng cường mối quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam với các nước mà còn hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước về hải quan.

- Đã hình thành được một hệ thống kênh thông tin trao đổi liên lạc với hải quan các nước nhằm trao đổi thông tin nghiệp vụ, hỗ trợ xác minh các lô hàng, phối hợp điều tra, chống vận chuyển hàng cấm, các chất ma túy,... nhằm phục vụ cho quản lý nhà nước về hải quan, tạo thuận lợi cho phát triển thương mại và đảm bảo an ninh.

- Tạo lập được mối quan hệ hợp tác hỗ trợ song phương từ đó tạo điều kiện để Hải quan Việt Nam học hỏi kinh nghiệm khảo sát nghiệp vụ, mô hình thông quan, quản lý hải quan, tổ chức bộ máy, mô hình đào tạo,... đặc biệt thông qua quan hệ hợp tác quốc tế song phương đã gửi đi đào tạo, học tập kinh nghiệm cho hàng trăm lượt cán bộ và hàng trăm xuất học bổng ngắn hạn dài hạn được đào tạo tại nước ngoài như: Hải quan Pháp, Hải quan Nhật Bản, Hải quan Trung Quốc, Hải quan Hoa Kỳ, Hải quan Úc...

- Hàng trăm lượt chuyên gia ngắn hạn của Hải quan các nước đã đến Việt Nam giảng dạy cho hàng nghìn lượt cán bộ hải quan theo các chương trình ngắn hạn như trị giá, xuất xứ, phân loại, thông tin tình báo, quản lý rủi ro, sở hữu trí tuệ, mô hình thông quan,...

- Thông qua hợp tác song phương, Hải quan Việt Nam đã tiếp nhận được các dự án quan trọng làm nền tảng cho quá trình hiện đại hóa như dự án Sydonia Pháp, JICA về cung cấp trang thiết bị cho các trung tâm phân tích phân loại, đào tạo đội ngũ giảng viên chủ chốt, xây dựng giáo trình đào tạo và giảng dạy, dự án tăng cường năng lực về quản lý rủi ro, dự án cử chuyên gia dài hạn của Nhật Bản tại Việt Nam, dự án viện trợ máy soi công ten nơ của Nhật Bản, Hoa Kỳ; dự án khác về đào tạo cho các cán bộ hải quan Việt Nam và đặc biệt là dự án xây dựng hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS.

- Hình thành và phát huy hiệu quả hợp tác hải quan giữa các địa phương dọc tuyến biên giới đất liền với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào và Cam Pu Chia, từ đó tạo thuận lợi cho thương mại, ngăn chặn buôn lậu, phối hợp nghiệp vụ và tăng cường hiểu biết và tình hữu nghị giữa hai bên. Trong hợp tác với các nước láng giềng còn thể hiện qua các nỗ lực xây dựng các cặp cửa khẩu thực hiện kiểm tra một lần dừng, phối hợp thời gian làm việc.

- Hợp tác song phương còn hỗ trợ cho Hải quan Việt Nam trên các diễn đàn đa phương về Hải quan, hỗ trợ cho việc thực hiện các cam kết quốc tế về hải quan qua các chương trình xây dựng năng lực ưu đãi dành cho Hải quan Việt Nam. Điều này thể hiện qua các chương trình tài trợ kinh phí cho Hải quan Việt Nam dự các hội thảo/khoá đào tạo tại các nước.

1.2 Tình hình thực hiện các cam kết song phương:

Cho đến thời điểm hiện tại, có 13 Hiệp định cấp chính phủ và 21 Thỏa thuận cấp Ngành liên quan đến lĩnh vực Hải quan (chi tiết tại Phụ lục I). Nội dung chủ yếu của các Hiệp định và Thỏa thuận là quy định về hợp tác và hỗ trợ

hành chính lẫn nhau; trao đổi số liệu thống kê; xác minh, trao đổi thông tin phục vụ công tác điều tra chống buôn lậu. Các hoạt động hợp tác giữa hai Bên sau khi ký kết các Hiệp định và Thỏa thuận không nhiều ngoại trừ việc tạo nền móng cho việc trao đổi xác minh thông tin, trao đổi số liệu thống kê định kỳ hoặc trao đổi thông tin điều tra chống buôn lậu với một số nước như Lào, Nga, Trung Quốc, Campuchia... Hầu hết các cam kết song phương được thực hiện thông qua hoạt động trao đổi xác minh thông tin, trao đổi đoàn, tăng cường năng lực của cán bộ hải quan, tăng cường hợp tác và ủng hộ trong các diễn đàn đa phương... từ đó có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của Ngành Hải quan. Tuy nhiên, hợp tác song phương chưa đi vào thực chất, đặc biệt là chưa tranh thủ được các lợi ích về trao đổi, hợp tác phòng chống gian lận và buôn lậu thương mại.

2. Hội nhập và đàm phán và thực hiện các cam kết quốc tế đa phương

2.1 Hội nhập và đàm phán:

Việc gia nhập Tổ chức Hải quan Thế giới (tháng 7/1993) đã giúp Hải quan Việt Nam chuyển dần từng bước tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ hải quan tiên tiến của thế giới. Cùng với tiến trình hội nhập chung của đất nước Hải quan Việt Nam đã chủ động và tiến hành hội nhập sâu rộng trong khuôn khổ thể chế đa phương như ASEAN, APEC, ASEM, GMS trên cả cấp độ tiểu khu vực, khu vực và thế giới. Quá trình đàm phán và chuẩn bị cho việc thực hiện các cam kết về hải quan trong khuôn khổ WTO năm 2006 cũng là một dấu mốc quan trọng, đánh dấu sự trưởng thành của Hải quan Việt Nam. Một số kết quả hợp tác Hải quan đa phương như sau:

- Hợp tác đa phương và hội nhập quốc tế đã mang lại cho Hải quan Việt Nam nhiều kết quả hết sức quan trọng thúc đẩy quá trình cải cách hiện đại hoá Hải quan Việt Nam thông qua các cam kết đa phương, qua việc tiếp cận trình độ quản lý hải quan của các nước trong khu vực.

- Nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý và thực thi các hiệp định thương mại tự do và hiệp định đối tác kinh tế thông qua việc đàm phán, thực hiện các cam kết trong các hiệp định này.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hải quan về trị giá hải quan, phân loại hàng hoá, xuất xứ hàng hoá, điều tra chống buôn lậu, kiểm tra sau thông quan, quy trình thủ tục hải quan hiện đại,... cho cán bộ công chức thông qua các chương trình xây dựng năng lực của Hải quan ASEAN, WCO, APEC, ASEM và các chương trình đào tạo của WCO.

- Nâng cao trình độ, kỹ năng đàm phán, kinh nghiệm hội nhập quốc tế thông qua việc tham dự các hội nghị, hội thảo, các vòng đàm phán thương mại từ đó bảo vệ được lợi ích kinh tế cho đất nước.

- Nâng cao vị thế của Hải quan Việt Nam trong ASEAN thông qua việc đưa ra các sáng kiến hợp tác, hội nhập ASEAN được cộng đồng Hải quan ASEAN ghi nhận như các ý kiến về tờ khai ASEAN, về danh mục biểu thuế hải quan ASEAN, về hiệp định hải quan ASEAN, các sáng kiến nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa ASEAN 6 và ASEAN 4 và đặc biệt là có những đề xuất

trong thay đổi cơ chế hoạt động của Hải quan ASEAN nhằm giúp thể chế này hoạt động và phối hợp hợp tác có hiệu quả hơn, minh bạch hơn và có lợi hơn cho quá trình hội nhập của Việt Nam.

- Về mặt nghiệp vụ, hội nhập quốc tế đã giúp Hải quan Việt Nam áp dụng và thực hiện các cam kết quốc công ước HS, thông qua việc xây dựng danh mục biểu thuế hải hoà chung ASEAN, tiếp cận được với các chuẩn mực của Hải quan hiện đại, chuyển dần từ mô hình hải quan truyền thống sang hải quan hiện đại như tiến hành áp dụng kiểm tra sau thông quan, áp dụng hiệp định trị giá hải quan, xây dựng sách hướng dẫn xác định trị giá Hải quan ASEAN, các bộ sách, tài liệu hướng dẫn về trị giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm soát quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới.

- Từ các cam kết trong ASEAN, và hội nhập quốc tế khác đã định hình được lộ trình và mô hình phát triển của Hải quan theo hướng tự động hoá và mô hình hải quan một cửa, xử lý thông quan hàng hóa tập trung.

- Từ mô hình hải quan truyền thống, đến nay về cơ bản mô hình nghiệp vụ của Hải quan Việt Nam đã có những đổi thay cơ bản. Nguyên lý quản lý mạng nặng tính hành chính, một chiều đã được thay đổi bằng phương thức hướng tới cộng đồng nhiều hơn, có tính tương tác hơn. Các chuẩn mực quốc tế trong các điều ước quốc tế về hải quan và những thực tiễn tiên tiến học hỏi từ quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế như Công ước Kyoto sửa đổi, Hiệp định Trị giá WTO, Công ước HS, Khung tiêu chuẩn của WCO về An ninh và Tạo thuận lợi cho thương mại, Khung Tiêu chuẩn thực thi Quyền SHTT, các cam kết ASEAN về mô hình Hải quan một cửa, Tờ khai ASEAN,... đã được nội luật hoá thành các quy định pháp luật Hải quan Việt Nam. Đó chính là những tác động trực tiếp của quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

2.2 Thực hiện các cam kết đa phương

Hiện tại, có tổng số khoảng 30 văn kiện đa phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc đang đàm phán có nội dung liên quan đến hải quan. Trong đó, cam kết về Hải quan thể hiện cụ thể tại các khuôn khổ như sau:

- Trong khuôn khổ hợp tác WCO: gồm 3 văn kiện chính như Công ước Thành lập Hội đồng hợp tác hải quan, Công ước Kyoto và Công ước Kyoto sửa đổi, Công ước quốc tế và hệ thống hải hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS). Nội bật nhất trong các cam kết về hải quan trong khuôn khổ này là các thủ tục hải quan thuộc Công ước Kyoto sửa đổi (được coi như là xương sống của Ngành Hải quan) và các phiên bản về phân loại hàng hóa, đây cũng là một trong những nội dung rất quan trọng và mang tính đặc thù thuộc về cam kết của Hải quan.

- Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN: gồm 15 văn kiện cam kết như Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN 2009-2015, Hiệp định Hải quan ASEAN, Hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Úc- NewZealand, Hiệp định khung về Tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh, Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh ASEAN, Nghị định thư về thực hiện danh mục Biểu thuế hải hòa, Nghị định thư về khuôn khổ

pháp lý thực hiện cơ chế một cửa..... Các cam kết chủ yếu liên quan về Thủ tục Hải quan (chứng từ tờ khai, quy trình giải phóng thông quan, thủ tục quá cảnh, xử lý trước khi hàng đến, tạm nhập, kiểm soát hàng hóa...), cam kết liên quan đến cách thức xác định xuất xứ.

- Khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do: 13 Hiệp định thương mại tự do. Trong đó có 10 Hiệp định đã có hiệu lực và đã triển khai thực hiện, 4 Hiệp định vừa được ký kết và chưa có hiệu lực là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh kinh tế Á – Âu (EAEU), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Nội dung liên quan đến Hải quan thuộc các Hiệp định thương mại tự do này tương đối rộng bao gồm hầu hết các nội dung về nghiệp vụ hải quan chính vì vậy mỗi một Hiệp định lại có 01 Chương riêng về Tạo thuận lợi thương mại và quản lý hải quan. Đa phần các nội dung cam kết tại các Hiệp định tự do thương mại đều nằm trong khuôn khổ quy định của Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của Tổ chức thương mại thế giới, tuy nhiên cũng có những cam kết chặt hơn và cụ thể hơn (như trong Hiệp định TPP). Ngoài nội dung về thủ tục hải quan, nội dung về xuất xứ cũng là một trong các nội dung có liên quan đến hải quan (cụ thể về cách thức xác định, xác minh và hợp tác về trao đổi xác minh thông tin liên quan đến xuất xứ).

- Trong khuôn khổ hợp tác WTO: Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại WTO, Hiệp định xuất xứ, Hiệp định trị giá GATT, Hiệp định Sở hữu trí tuệ. Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại là một văn kiện mà hơn 2/3 nội dung liên quan trực tiếp đến thủ tục hải quan. Tuy chưa có hiệu lực song các hoạt động thúc đẩy triển khai ở các nước Thành viên đã được thực hiện. Chính vì tính chuẩn mực trong các cam kết về hải quan mà Hiệp định là một trong những cơ sở tham chiếu cho việc đàm phán các văn kiện khác liên quan đến hải quan đặc biệt là nội dung về Chương Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại trong các Hiệp định tự do thương mại.

- Trong khuôn khổ hợp tác các nước tiểu vùng sông Mêkong mở rộng: 4 văn kiện lớn như Hiệp định về tạo thuận lợi cho người và hàng hóa qua lại khu vực tiểu vùng sông Mêkong mở rộng (CBTA- GMS), Hiệp định quá cảnh với các nước láng giềng...Nội dung chính trong khuôn khổ này là các cam kết liên quan đến thủ tục hải quan đặc biệt là thủ tục một cửa một lần dừng và thủ tục quá cảnh hàng hóa.

Trong các cam kết đa phương nói trên, về cơ bản Hải quan Việt Nam đã triển khai thực hiện tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn còn một số các nội dung cam kết chưa triển khai thực hiện đầy đủ hoặc mới chỉ được thực hiện một phần như: *cam kết về cơ chế một cửa, quản lý rủi ro, xác định trước, quy định về kiểm tra, xuất xứ hàng hóa.*

II. NHỮNG TỒN TẠI, BẤT CẬP VÀ NHỮNG VIỆC CHƯA ĐƯỢC TRIỂN KHAI

1. Tồn tại, bất cập:

Mặc dù hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế đã mang lại kết quả quan trọng cho quá trình cải cách phát triển và hiện đại hóa như đã nêu tại phần trên, tuy nhiên, cũng đã bộc lộ một số vấn đề như sau:

- Nhiều các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế trên thực tế xuất phát từ sức ép hội nhập chung của đất nước, xuất phát từ bên ngoài, do đó dẫn đến những bị động trong triển khai thực hiện. Vấn đề hợp tác và hội nhập quốc tế chưa có sự gắn kết hữu cơ giữa khâu đàm phán và thực thi.

- Chưa thật sự khai thác được hết tiềm năng hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật với Hải quan một số nước tiên tiến;

- Hiệu quả hợp tác chưa cao do các quan hệ kinh tế- thương mại chưa nhiều, còn chủ yếu dựa trên vụ việc;

- Sự khác biệt về hành lang pháp lý dẫn đến việc tiếp thu, chuyển hóa các kinh nghiệm, tri thức hải quan hiện đại vào thực tiễn còn hạn chế;

2. Những việc chưa triển khai:

2.1 Đối với hợp tác song phương:

- Chưa hoặc chậm tạo ra cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác chính thức giữa Hải quan Việt Nam và Hải quan các nước phát triển vì mục tiêu, yêu cầu, hệ thống pháp luật hải quan cũng như khả năng thực thi khác nhau quá lớn từ đó dẫn đến việc chậm ký kết văn kiện hợp tác tạo nền tảng cho các hoạt động hỗ trợ cụ thể;

- Cả hai Bên chưa thực sự tích cực và chủ động triển khai các văn kiện đã ký kết;

- Việc đàm phán ký kết còn chưa đảm bảo hợp tác hiệu quả, thực chất do hai bên còn gặp những khác biệt về cơ sở pháp lý, thẩm quyền của 2 cơ quan hải quan;

- Khác biệt về pháp lý trong việc quy định thông tin nhận được sẽ được sử dụng làm bằng chứng trước tòa, có giá trị tố tụng... hoặc quy định về nhân chứng trong hỗ trợ tư pháp.

- Việc thực hiện cắt giảm thuế quan theo các Hiệp định FTA đã ký kết trong thời gian qua dẫn đến xu thế gian lận nhiều hơn về C/O để được hưởng ưu đãi thuế suất kéo theo số lượng C/O cần xác minh ngày càng tăng trong khi phản hồi yêu cầu xác minh thông tin của phía nước ngoài cho Hải quan Việt Nam còn chậm, nhiều yêu cầu thậm chí không được phản hồi dẫn đến khó khăn và chậm trễ trong việc giải quyết thủ tục cho các lô hàng và doanh nghiệp nhập khẩu;

- Khi nhận được kết quả xác minh từ Hải quan Việt Nam, Hải quan các nước ít khi phản hồi lại việc sử dụng kết quả xác minh đó để Hải quan Việt Nam lưu hồ sơ theo dõi doanh nghiệp;

- Chưa thống nhất đầu mối trả lời kết quả xác minh cho Hải quan nước ngoài về cùng một vấn đề giữa các Bộ ngành do đó số liệu cung cấp cho Hải quan nước ngoài thiếu nhất quán;

- Việc sử dụng thông tin xác minh còn hạn chế do độ chính xác/tin cậy của kết quả xác minh chưa cao do Hải quan nước ngoài bảo vệ doanh nghiệp trong nước;

- Theo các cam kết có quy định về trao đổi/chia sẻ thông tin hay hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan thì việc thực hiện cung cấp/trao đổi thông tin theo yêu cầu là nghĩa vụ và có căn cứ pháp lý để thực hiện, tuy nhiên trong thời gian qua Hải quan Việt Nam hầu hết cũng đã thực hiện hoạt động này theo yêu cầu của các nước đối tác chưa ký kết thỏa thuận hợp với Việt Nam như vậy chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng để thực hiện việc này từ đó dẫn đến khó khăn trong thực hiện.

2.2 Đối với hợp tác đa phương:

Cần đưa vào văn bản pháp lý các quy định cụ thể hơn một số nội dung sau:

- Quy định về hoàn thuế đối với trường hợp mà việc sử dụng hàng hóa là điều kiện không thể thiếu để phát hiện ra các khiếm khuyết hay các tình huống khác dẫn đến việc tái nhập hay tái xuất hàng hóa (chuẩn mực 4.19 Công ước Kyoto sửa đổi);
- Nghĩa vụ về thủ tục kiểm định lần 2 tại Khoản 3 Điều 5 TFA (quy định về kiểm định lần 2 đối với kết quả kiểm tra chuyên ngành, quy định về thông tin địa chỉ các đơn vị kiểm định);
- Nghĩa vụ về phí, lệ phí liên quan tới xuất nhập khẩu tại Khoản 1 Điều 6 TFA (quy định về công bố thông tin về phí, lệ phí; nguyên tắc xác định mức phí, lệ phí);
- Nghĩa vụ tách việc giải phóng hàng khỏi quyết định cuối cùng về hải quan, thuế và các loại phí tại Khoản 3 Điều 7 TFA (quy định về hoàn trả khoản bảo lãnh);
- Nghĩa vụ về doanh nghiệp ưu tiên tại Khoản 7 Điều 7 TFA (các điều kiện hạn chế quyền của doanh nghiệp vừa và nhỏ);
- Nghĩa vụ về thủ tục hải quan đối với hàng chuyển phát nhanh theo Khoản 8 Điều 7 TFA (thủ tục kiểm tra chuyên ngành ưu tiên);
- Nghĩa vụ liên quan tới thủ tục hải quan ưu tiên hàng hóa dễ hư hỏng theo Khoản 9 Điều 7 TFA;
- Nghĩa vụ liên quan tới cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý biên giới tại Điều 8 TFA (quy định cụ thể về cơ chế phối hợp);
- Nghĩa vụ *nỗ lực thiết lập Cơ chế một cửa* tại Khoản 4 Điều 10 TFA;
- Nghĩa vụ về các biện pháp xử lý đối với hàng hóa bị từ chối do không đáp ứng yêu cầu SPS, TBT tại Khoản 8 Điều 10 TFA (tiêu chí đối với từng

biện pháp xử lý, cách thức xử lý đối với trường hợp không thực hiện được biện pháp xử lý theo yêu cầu);

Ngoài ra, Hải quan Việt Nam cũng cần phải phối hợp với các Bộ ngành để triển khai thực hiện đầy đủ cam kết về Cơ chế một cửa, Quản lý rủi ro, Xác định trước và quy định về kiểm tra xuất xứ hàng hóa (trong bối cảnh tự chứng nhận xuất xứ).

3. Nguyên nhân:

- Về chỉ đạo và tổ chức thực hiện, việc chỉ đạo thực hiện hợp tác quốc tế trong ngành Hải quan còn trùng chéo và tán mát trong một thời gian dài. Các nội dung chỉ đạo không qua một đầu mối quản lý thống nhất để đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả. Vấn đề này là do triển khai thực hiện chưa nghiêm túc quy chế phối hợp các hoạt động hợp tác quốc tế. Một số đơn vị còn chưa thể hiện sự tích cực, chủ động trong quá trình nghiên cứu, đánh giá tình hình, chuẩn bị đàm phán và thực hiện. Vấn đề tuyên truyền, phổ biến các cam kết mới chưa được tiến hành một cách bài bản nhằm đảm bảo các cấp nhận thức đầy đủ được những cam kết này.

- Về tổ chức đàm phán, sự phối kết hợp giữa các đơn vị trong triển khai thực hiện hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế còn chưa thực sự chặt chẽ. Các đơn vị được giao chủ trì đàm phán thường gặp khó khăn trong việc chuẩn bị phương án đàm phán do chưa có đầy đủ thông tin. Đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu về ngoại ngữ hoặc chuyên môn, hoặc khi đã chuẩn bị được phương án đàm phán hoặc dự hội nghị thì phương án chưa đầy đủ. Sau khi đàm phán, kết quả đàm phán chưa được triển khai và theo dõi thực hiện cam kết một cách có kế hoạch và đôn đốc thường xuyên.

- Về kinh phí dành cho các hoạt động hợp tác hải quan nói riêng còn chưa đủ, phần lớn tùy thuộc vào các nhà tài trợ, do đó, dẫn đến việc hoạch định các chính sách, chương trình dài hạn bị hạn chế, lệ thuộc vào mức độ ưu tiên của bên tài trợ. Điều này tác động không nhỏ đến hợp tác hải quan khu vực.

- Về giám sát thực hiện, công tác tổ chức theo dõi và đánh giá kết quả triển khai thực hiện các cam kết quốc tế chưa được thường xuyên triển khai một cách chặt chẽ, kể cả từ phương diện thực hiện tại cấp địa phương. Về nguyên tắc, các nội dung của báo cáo của các đoàn công tác dự hội nghị, tham gia đàm phán hợp tác hải quan phải được làm rõ, các phương án đàm phán và triển khai kết quả đàm phán phải được nghiên cứu và phê duyệt trước khi thực hiện. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện các cam kết quốc tế chưa thực sự hiệu quả.

- Việc tổ chức đoàn ra và triển khai thực hiện cam kết quốc tế về hải quan: Việc tổ chức đoàn ra, vẫn còn có những bất cập, chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của công tác hội nhập và hợp tác quốc tế đặc biệt là việc cử cán bộ đi tham dự các hội nghị, các vòng đàm phán quốc tế. Từ đó, dẫn đến việc các cam kết chưa được triển khai một cách đồng bộ và có hiệu quả hoặc các cam kết không phù hợp với điều kiện thực tế của Hải quan Việt Nam hoặc chưa thể hiện

được quan điểm, lập trường của Việt Nam. Một số nguyên nhân của tồn tại này đó là:

+ Trình độ của cán bộ hải quan Việt Nam còn rất hạn chế, do chưa nắm bắt đầy đủ các nội dung, yêu cầu, tại các hội nghị, hội thảo, và kể cả các phiên đàm phán quan trọng;

+ Việc xây dựng chuẩn bị phương án đàm phán nhiều khi không sát với nội dung hội nghị đàm phán;

+ Các nội dung đàm phán hợp tác quốc tế trải qua rất nhiều vòng, rất nhiều hội nghị; tuy nhiên mỗi vòng đàm phán lại thường cử các cán bộ khác nhau tham dự dẫn đến không nắm bắt hết diễn biến của các vòng đàm phán;

+ Một số cán bộ được cử đàm phán chưa tinh thông về nghiệp vụ cũng như chưa có kinh nghiệm trong đàm phán, báo cáo kết quả đàm phán, hội nghị quốc tế thường sơ sài, không đủ nội dung và không có các đề xuất xác đáng. Hơn nữa, đơn vị làm đầu mối hợp tác và hội nhập quốc tế chưa theo dõi đồng bộ việc triển khai kết quả đàm phán và các vấn đề khó thường bị đùn đẩy giữa các đơn vị với đơn vị đầu mối đàm phán.

- Nguồn nhân lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hải quan gồm cả trình độ ngoại ngữ của cán bộ công chức ngành Hải quan còn hạn chế. Tồn tại này do ngành Hải quan chưa có chiến lược và chương trình đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập và hợp tác quốc tế.

Phần II

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HẢI QUAN TRÊN THẾ GIỚI VÀ XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, XU HƯỚNG HỢP TÁC HẢI QUAN QUỐC TẾ

1. Tình hình khu vực và thế giới

Thương mại quốc tế sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhờ các thỏa thuận thương mại tự do trên cấp độ song phương, khu vực và trong khuôn khổ tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã và đang tiếp tục được đàm phán và thực hiện trong đó phải kể đến các hiệp định quan trọng như: TPP, RCEP, ASEAN – Trung Quốc, hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO,... Lưu lượng thương mại quốc tế trong khu vực vẫn tiếp tục tăng lên (tỷ lệ kỳ vọng khoảng 8-10%/năm).

Khu vực đông Nam Á vẫn là khu vực phát triển kinh tế năng động của thế giới và là tiêu điểm của các tuyến vận tải cho thương mại quốc tế, tập trung các điểm trung chuyển hàng hóa trên thế giới với nhiều các hiệp định thương mại tự do có vai trò trung tâm của ASEAN. Xu thế hòa bình và hợp tác phát triển kinh tế vẫn sẽ tiếp tục được duy trì dù còn tiềm ẩn nguy cơ xung đột nhất định, cùng với nguy cơ khủng bố và có thể nhắm vào điểm yếu của dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế trong khu vực.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông tác động mạnh mẽ đến thương mại quốc tế và các lĩnh vực của đời sống.

Sự phát triển của các hình thức thương mại gắn với vận tải quốc tế: như sự bùng nổ của thương mại điện tử với các lô hàng có giá trị thấp nhưng cần đảm bảo nhanh chóng, giao hàng tận tay người tiêu dùng với chi phí thấp, kết hợp giữa sản xuất và phân phối thành chuỗi cung ứng thương mại, vận tải đa phương thức.

Tội phạm có tổ chức hoạt động linh hoạt, đa dạng hơn và thực hiện các hoạt động bất hợp pháp như trốn thuế, gian lận thuế, vận chuyển buôn bán hàng cấm, vũ khí, ma túy, chất nổ; buôn bán hàng giả, hàng nhái, đặc biệt là những hàng có trị giá cao và tân dược, rửa tiền,...

Thất thu ngân sách vẫn còn nhiều nguy cơ do sự gian lận thuế và trốn thuế trong khi đó đây vẫn được coi là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan hải quan trong việc đảm bảo ngân sách quốc gia.

2. Những vấn đề về hải quan nổi bật trong thời gian tới

Nội dung chủ yếu của hợp tác quốc tế về hải quan tiếp tục xoay quanh vấn đề về tạo thuận lợi cho thương mại và đảm bảo an ninh cho dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế. Đối với những nước đã tự động hóa hải quan cao như: Nhật, Hàn, Mỹ, Úc, ... thì đã bắt đầu đàm phán kết nối các hệ thống lẫn nhau để chia sẻ dữ liệu, chia sẻ trực tuyến thông tin thông quan nhằm ngăn chặn nguy cơ khủng bố, đảm bảo an ninh cho thương mại quốc tế, và đồng thời tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp. Vấn đề này thể hiện ở các biện pháp: (i) Các hiệp định công nhận AEO lẫn nhau; chia sẻ, cung cấp thông tin hàng xuất khẩu và nhập khẩu; (ii) Thực hiện cơ chế thủ tục hải quan một cửa (Single window) trên cấp độ song phương và khu vực; (iii) Đàm phán kết nối hải quan toàn cầu (Globally networked Customs) – Khái niệm mới về hợp tác hải quan trong thế kỷ 21 nhằm đảm bảo quản lý hải quan chặt chẽ từ điểm đầu đến điểm cuối; (iv) Hải quan và vai trò bảo vệ môi trường; (v) Cơ chế doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa và vai trò kiểm soát của hải quan...; và (vi) Vai trò của hải quan ngày càng tăng, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh chống khủng bố, bảo vệ cộng đồng;

Về trang thiết bị phục vụ quản lý hải quan, hầu hết các nước hiện vẫn tiếp tục tăng cường áp dụng các thiết bị, công cụ hiện đại phục vụ kiểm tra và quản lý hải quan như: máy soi, máy phát hiện ma túy, camera, chip điện tử theo dõi di chuyển của hàng hóa, ... Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ nhân viên Hải quan tiếp tục được hải quan các nước tăng cường và hợp tác trợ giúp lẫn nhau nhằm đáp ứng được với sự phát triển của thương mại, đồng thời gắn với các chương trình xây dựng năng lực và phát triển nguồn nhân lực.

Về mặt quyền hạn, nhằm đối phó với những thách thức về đảm bảo an ninh và tạo thuận lợi thương mại, các cơ quan hải quan trên thế giới tiếp tục được tái cơ cấu và được trao thêm thẩm quyền như quyền yêu cầu cung cấp thông tin

trước về hàng hóa, quyền yêu cầu chia sẻ thông tin từ các cơ quan liên quan trong nước và quốc tế, quyền tiến hành điều tra thu thập chứng cứ tại nước ngoài.

Những nội dung này đều được thể hiện trong các kế hoạch chiến lược hoặc kế hoạch hành động hợp tác trong các khuôn khổ WCO, khu vực, APEC, ASEM. Trong khu vực ASEAN, hợp tác Hải quan ngày càng được tăng cường thông qua các cơ chế thực hiện cụ thể mà mục tiêu cao nhất là thực hiện cơ chế thủ tục hải quan một cửa ASEAN và việc phát triển cộng đồng kinh tế ASEAN với nhiều biện pháp có liên quan đến hải quan xét ở khía cạnh đảm bảo an ninh và tạo thuận lợi thương mại.

Việt Nam có địa chính trị quan trọng trong khu vực và trong thời gian tới vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Khu vực hạ nguồn sông Mê Kông đang được các cường quốc kinh tế trên thế giới quan tâm đặc biệt là Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc và các thể chế tài chính quốc tế như ADB, AIIB, WB. Hàng loạt các dự án hỗ trợ cho các nước trong tiểu vùng tiếp tục được thúc đẩy và triển khai thực hiện. Những dự án này hướng đến các mục tiêu hài hòa và đơn giản hóa các thủ tục qua lại biên giới trong đó coi trọng đến thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu và quá cảnh.

II. CÁC YÊU CẦU GẮN VỚI HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

- Yêu cầu của Chính phủ về việc triển khai thực hiện đồng bộ có hiệu quả các cam kết về tạo thuận lợi cho thương mại, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong bối cảnh các thỏa thuận thương mại tự do: ASEAN – ATIGA, ASEAN – Trung Quốc, ASEAN – Hàn Quốc, ASEAN – Nhật Bản, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN – Úc và New Zealand, TPP, RCEP, VKFTA, VEAEU-FTA, EFTA, EVFTA,... với hàng loạt các biện pháp quản lý hải quan bộ quy tắc xuất xứ hàng hóa khác nhau và khối lượng thương mại tăng lên nhanh chóng.

- Yêu cầu của Chính phủ về thực thi luật pháp hải quan minh bạch và đồng bộ với các chính sách và chương trình thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội đã và đang được thực thi như cải cách thủ tục hành chính, tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo duy trì tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Những yêu cầu này gắn với thực hiện các cam kết quốc tế đặc biệt là các cam kết trong khuôn khổ WTO và ASEAN mà cụ thể là cam kết về tạo thuận lợi thương mại và xây dựng hệ thống một cửa quốc gia, áp dụng các chuẩn mực quốc tế theo các công ước quốc tế như Công ước Kyoto sửa đổi, Công ước HS,...

- Yêu cầu của Chính phủ trong việc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng đảm bảo an ninh biên giới, cửa khẩu và kiểm soát biên giới hiệu quả.

- Yêu cầu về bảo vệ người dân trước các mối đe dọa về thực phẩm, hàng tiêu dùng không an toàn, hàng giả hàng nhái, hàng vi phạm SHTT và bảo vệ môi trường.

III. MỤC TIÊU CỦA HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng thể

Mục tiêu chung là đến 2020 đưa hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý, mang lại lợi ích thực chất và đáp ứng yêu cầu cải cách, phát triển, hiện đại hoá Ngành Hải quan.

Từ nay đến năm 2020, hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế tiếp tục mục tiêu hỗ trợ và thúc đẩy mạnh mẽ quá trình cải cách hiện đại hóa, đặc biệt mở rộng nâng cấp hệ thống thông quan tự động, áp dụng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về nghiệp vụ và quản lý hải quan. Đồng thời, tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với hải quan các nước là đối tác kinh tế thương mại quan trọng của Việt Nam nhằm mục đích bảo vệ lợi ích kinh tế và ngăn chặn, phòng chống các vi phạm về hải quan tạo thuận lợi cho thương mại, đầu tư và giao lưu đi lại giữa Việt Nam với các nước.

Đến năm 2020, hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế được tiến hành một cách chủ động, là nhân tố tích cực cho việc xây dựng một cơ quan hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, có những đóng góp tích cực cho hải quan thế giới về các chuyên đề nghiệp vụ, các sáng kiến hợp tác khu vực.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đàm phán, ký kết và triển khai các thỏa thuận và điều ước quốc tế về hải quan theo đúng các quy định theo đúng các quy định của pháp luật mang lại lợi ích thực chất chú trọng đến các đối tác thương mại quan trọng cũng như các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan then chốt.

b) Tham gia một cách chủ động vào quá trình xây dựng các sáng kiến, luật chơi và chương trình của hải quan khu vực và thế giới.

c) Đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế liên quan đến Hải quan: có theo dõi, có đánh giá kết quả thực hiện các cam kết quốc tế;

d) Tổ chức, bộ máy hoạt động liên quan đến hợp tác và hội nhập quốc tế đạt hiệu quả đảm bảo lợi ích quốc gia;

e) Xây dựng đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác, hội nhập quốc tế được đào tạo đầy đủ các chuyên môn theo yêu cầu nghiệp vụ, có các kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Phần III CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Nhiệm vụ 1. Tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác song phương chú trọng đến công tác hợp tác chống buôn lậu.

Thực hiện các giải pháp dưới đây để thực hiện nhiệm vụ này

- Xây dựng đề án cử đại diện hải quan Việt Nam tại một số nước và khu vực trọng điểm để thực hiện các nhiệm vụ theo các quy định của Luật Hải quan 2014;
- Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm để triển khai có hiệu quả các thỏa thuận/hiệp định hợp tác hải quan song phương đã ký kết;
- Xác định trọng điểm đàm phán ký kết các Hiệp định/Thoả thuận hợp tác Hải quan với các nước có quan hệ kinh tế, thương mại lớn với Việt Nam bao gồm: Hoa Kỳ, các nước EU, Nhật Bản, Hàn Quốc,...
- Tiên hành thu thập và khai thác có hiệu quả thông tin và kinh nghiệm của hải quan các nước/nền kinh tế phục vụ cho quá trình cải cách hiện đại hóa.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác song phương nhằm chia sẻ kinh nghiệm về cải cách, hiện đại hóa, phương pháp, kỹ thuật quản lý Hải quan hiện đại; phối hợp thực hiện các sáng kiến khu vực đặc biệt trong lĩnh vực hiện đại hóa thủ tục, áp dụng các kỹ thuật Hải quan mới, triển khai các cam kết về hải quan trong các hiệp định thương mại tự do, đối tác kinh tế, đồng thời góp phần nâng cao vị thế, uy tín và quyền lợi của Hải quan Việt Nam trên trường quốc tế;
- Đối với công tác hợp tác về kiểm soát hải quan:
 - + Nghiên cứu đề xuất và kiến nghị Chính phủ tăng cường thẩm quyền của lực lượng Hải quan trong điều tra, giao hàng có kiểm soát, phối hợp trong hỗ trợ tư pháp (nhân chứng, sử dụng bằng chứng trước tòa);
 - + Đàm phán và ký kết các thỏa thuận văn kiện hợp tác về trao đổi thông tin với các nước mà thường xuyên có quan hệ xác minh để có căn cứ pháp lý chính thức cho việc trao đổi thông tin;
 - + Triển khai cơ chế trao đổi phản hồi về việc sử dụng thông tin một cách chặt chẽ;
 - + Đàm phán hợp tác hơn nữa về lĩnh vực trao đổi thông tin liên quan đến công tác phòng và đấu tranh chống gian lận và buôn lậu thương mại với các nước láng giềng và khu vực;
 - + Nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực làm công tác xác minh trong bối cảnh các Hiệp định thương mại tự do sắp có hiệu lực đối với Việt Nam.
- Với các nước láng giềng tập trung vào nâng cao hiệu quả hợp tác trên cơ sở các thỏa thuận đã ký kết, đặc biệt là hợp tác thông qua các cặp cửa khẩu trên biên giới đất liền: như như thống nhất giờ làm việc, thực hiện kiểm tra một lần tại các cặp cửa khẩu đã quy định, đơn giản hoá thủ tục hải quan, trao đổi số liệu thương mại qua các cặp cửa khẩu, tăng cường hợp tác giao lưu giữa các cặp cửa khẩu đối diện, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tăng cường.. và đảm bảo tuân thủ pháp luật (như phối hợp chống buôn lậu, trao đổi thông tin, hỗ trợ điều tra xác minh vụ việc, xây dựng mạng lưới các đầu mối liên lạc, tổ chức hội nghị hợp tác, ...). Tiếp tục nghiên cứu đề xuất và tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác cụ thể giữa các Chi cục dọc theo biên giới đường bộ nhằm tăng cường

kiểm soát đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng cấm và các chất ma túy qua biên giới; trao đổi thông tin về kiểm soát và các thông tin khác liên quan đến quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, người và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh;

- Hướng dẫn và chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh thành phố hợp tác với các Hải quan vùng của một số nước hoặc đơn vị hải quan đối diện của các nước láng giềng để trao đổi thông tin nghiệp vụ kịp thời đặc biệt là trong xử lý các thông tin về chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng cấm, vũ khí, ma túy.

Nhiệm vụ 2: Triển khai thực hiện các cam kết quốc tế đa phương liên quan đến quản lý hải quan đặc biệt là hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các nội dung còn chưa được quy định và các giải pháp cụ thể cho các lĩnh vực nghiệp vụ liên quan đến cơ chế một cửa, quản lý rủi ro, xác định trước và quy định về kiểm tra xuất xứ....

Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ 2 bao gồm các hoạt động sau:

- Tăng cường hợp tác hải quan trong khuôn khổ WCO, WTO, ASEAN, APEC, ASEM, GMS và các thể chế đa phương có cam kết liên quan đến hải quan và tạo thuận lợi cho thương mại;

- Gắn kết chặt chẽ hoạt động hợp tác quốc tế với hoạt động nghiệp vụ của ngành thông qua việc phân giao nhiệm vụ chủ trì các lĩnh vực nghiệp vụ trong khuôn khổ các thể chế đa phương, phục vụ cho mục tiêu phát triển chung của ngành đặc biệt hỗ trợ mạnh mẽ cho cải cách hiện đại hoá hải quan. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thành viên và cam kết của Việt Nam trong các tổ chức nói trên;

- Kiểm tra, kiểm soát đảm bảo việc nội luật hóa và thực hiện các cam kết quốc tế có hiệu quả và đúng lộ trình;

- Xây dựng và chuẩn bị phương án nhân sự tham gia ứng cử và/hoặc làm việc cho các uỷ ban của Tổ chức Hải quan Thế giới từ sau năm 2020, đặc biệt là uỷ ban chính sách chung, uỷ ban kỹ thuật thường trực, các uỷ ban kỹ thuật về trị giá, xuất xứ hàng hoá, phân loại hàng hoá, tuân thủ và tạo thuận lợi;

- Nâng cao năng lực thực hiện các cam kết về kỹ thuật nghiệp vụ Hải quan như xác định trị giá hải quan, phân loại hàng hóa, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, minh bạch hóa, áp dụng các chuẩn mực quốc tế về thủ tục hải quan thông qua việc điều phối, giám sát, theo dõi và đôn đốc thường xuyên việc thực hiện các cam kết quốc tế;

- Thực hiện cam kết xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN đối với các nội dung liên quan đến Hải quan, thực hiện tốt các cam kết về hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN gắn với các mục tiêu của Tiểu vùng sông Mê Kông;

- Xây dựng và thực hiện cam kết về mô hình hải quan một cửa quốc gia tiến tới mô hình một cửa ASEAN;

- Trong khuôn khổ WTO, thực hiện tốt vai trò Hải quan trong việc thực hiện các vấn đề chống phá giá, gian lận chuyển tải, gian lận xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, và đặc biệt là thực hiện Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại của WTO;

- Xây dựng các biện pháp và kế hoạch hành động cụ thể nhằm thực hiện các chương trình an ninh thương mại liên quan như kiểm soát xuất khẩu, an ninh cảng biển, soi chiếu công ten nơ, phục hồi thương mại, doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt;

- Xây dựng các biện pháp thực thi có hiệu quả các cam kết trong khuôn khổ GMS như kiểm tra một lần dừng, tạo thuận lợi thương mại.

Đối với các lĩnh vực nghiệp vụ liên quan đến cơ chế một cửa, quản lý rủi ro, xác định trước và quy định về kiểm tra xuất xứ.

Cơ chế một cửa:

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý triển khai cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN trên nền tảng tổng kết, rút kinh nghiệm của cả giai đoạn triển khai trước đó;

- Để đảm bảo triển khai Cơ chế một cửa quốc gia theo Kế hoạch 5 năm (đã trình Thủ tướng Chính phủ) đề xuất Lãnh đạo Tổng cục sớm làm việc với các Bộ, ngành để rà soát và thống nhất danh sách các thủ tục hành chính cần sớm đưa vào triển khai;

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và ASEAN giai đoạn 2016-2020.

Quản lý rủi ro:

- Đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin;

- Tăng cường trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức quốc tế và các Bộ ngành liên quan;

- Tăng cường học hỏi kinh nghiệm của các nước Hải quan phát triển về công tác xác định trọng điểm, thu thập thông tin hải quan cũng như đào tạo cán bộ quản lý rủi ro về công tác này thông qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật.

Xác định trước:

Cụ thể là xác định trước về xuất xứ, hiện tại mới quy định người khai hải quan gửi đơn đề nghị cho cơ quan hải quan để được xác định trước trong khi đó một số cam kết quy định bất kỳ doanh nghiệp nào, có trụ sở tại nước thành viên sẽ được gửi yêu cầu đề nghị xác định trước. Do đó cần mở rộng quy định về đối tượng được phép yêu cầu xác định trước trong các văn bản pháp luật.

Quy định về kiểm tra xuất xứ hàng hóa:

Trên thực tế, các quy định về kiểm tra xuất xứ hàng hóa đều được quy định tại Thông tư do Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn nên Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) không chủ động đề xuất sửa đổi các nội dung theo mục tiêu quản

lý hải quan được. Do vậy, Tổng cục Hải quan cần báo cáo Bộ Tài chính để ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong thẩm quyền của Bộ Tài chính để đảm bảo triển khai cam kết hiệu quả.

Nhiệm vụ 3: Tăng cường đội ngũ công chức làm công tác và hội nhập và hợp tác quốc tế.

Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ này gồm các hoạt động sau:

- Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập và hợp tác quốc tế chuyên sâu, chuyên nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau như đào tạo trong nước, đào tạo tại nước ngoài và khuyến khích việc tự học tập nâng cao trình độ đặc biệt là ngoại ngữ.

- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ tại các đơn vị chuyên môn và hải quan địa phương có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp thích hợp để tham gia các hoạt động hải quan khu vực và triển khai trong nước;

- Thực hiện luân chuyển cán bộ làm công tác hợp tác hội nhập quốc tế chuyên trách và cán bộ làm tham mưu nghiệp vụ ở các đơn vị nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ, kinh nghiệm đồng thời đáp ứng yêu cầu hợp tác và hội nhập quốc tế;

- Tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích song song với các chế tài đối với vấn đề đào tạo, học tập nói chung, trong đó có việc học tập, nâng cao trình độ, khả năng sử dụng, làm việc bằng ngoại ngữ thông qua các qui định về lương, thưởng, đề bạt, cấp học bổng, tài trợ học phí đào tạo.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực nghiệp vụ thông qua các chương trình đào tạo nhà đào tạo của các đối tác nước ngoài và cử tham gia các chương trình quốc tế về xây dựng năng lực.

Nhiệm vụ 4. Tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Để thực hiện nhiệm vụ này các giải pháp cần triển khai gồm:

- Tăng cường sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp đối với công tác hợp tác hội nhập quốc tế theo hướng thống nhất, nhất quán phát huy vai trò của đơn vị tham mưu về hợp tác và hội nhập quốc tế trong việc chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện tốt các cam kết quốc tế, có phân công theo dõi, kiểm tra đôn đốc, tổng kết đánh giá hàng năm.

- Thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp công tác hợp tác hội nhập quốc tế trong ngành Hải quan ban hành đồng thời tiến hành theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy chế này một cách thường xuyên.

- Tổ chức tốt các đoàn ra đặc biệt là các đoàn đi dự các hội nghị, đàm phán quốc tế theo hướng đúng thành phần, gọn nhẹ, có phương án đàm phán được phê duyệt và đáp ứng được các yêu cầu cả về đối ngoại và nghiệp vụ chuyên môn.

- Tổ chức tốt các các hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại Việt Nam theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Xây dựng, triển khai, giám sát tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hợp tác và hội nhập quốc tế về hải quan trong từng giai đoạn.

Nhiệm vụ 5. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, đối ngoại.

Các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ này bao gồm:

- Tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngành Hải quan nhằm phản ánh chân thực, minh bạch các hoạt động của Hải quan Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế.

- Tổ chức thực hiện việc tuyên truyền các nội dung hợp tác quốc tế trên các phương tiện truyền thông của ngành Hải quan và Bộ Tài chính thông qua tin, bài, ảnh (trên báo Hải quan, website ngành Hải quan, thời báo Tài chính), các bài nghiên cứu trao đổi (trên tạp chí Nghiên cứu Hải quan);

- Thu thập, tổng hợp, phân tích và xây dựng các bản tin hải quan quốc tế theo định kỳ hoặc đột xuất và các tài liệu hợp tác và hội nhập liên quan đến hải quan (lưu hành nội bộ) phục vụ công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành và tham khảo cho các công tác nghiệp vụ chuyên môn.

- Tổ chức các khóa tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền về hợp tác và hội nhập quốc tế, các vấn đề quốc tế liên quan đến hải quan trên các diễn đàn quốc tế; các định hướng phát triển hải quan trên thế giới.

- Xây dựng các ấn phẩm, tặng phẩm, tư liệu, tài liệu giới thiệu về Hải quan Việt Nam để trao đổi, chia sẻ với Hải quan các nước đối tác.

Nhiệm vụ 6: Xây dựng và quản lý tốt các chương trình/dự án hỗ trợ kỹ thuật.

- Lập danh mục các vấn đề lĩnh vực nghiệp vụ ưu tiên cần sự hỗ trợ tăng cường năng lực và các lĩnh vực cần viện trợ Quý 1/2017;

- Tiến hành vận động các dự án hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại của các nước phục vụ cho quá trình tự động hoá, hiện đại hoá của Hải quan Việt Nam, trong đó trọng tâm đến các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Châu Âu (2016- 2020).

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Bố trí các nguồn lực cần thiết trong phạm vi của Tổng cục Hải quan để thực hiện kế hoạch này gồm: nguồn nhân lực, tài chính để chủ động thực hiện. Về nguồn tài chính: chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp thường xuyên cho

hoạt động của Ngành Hải quan. Đồng thời, tìm kiếm, khai thác và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài cho quá trình triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và phân công thực hiện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai đúng các nội dung được Tổng cục Hải quan phân giao tại Kế hoạch này; thực hiện chế độ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện định kỳ hàng năm và khi có yêu cầu cho đơn vị tham mưu đầu mối hợp tác quốc tế;

2. Đơn vị chủ trì hoặc đầu mối theo phân công tại Kế hoạch có trách nhiệm triển khai các công việc được giao; chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình về những nhiệm vụ được phân công chủ trì, trên cơ sở đó tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Tổng cục Hải quan (qua Vụ Hợp tác Quốc tế);

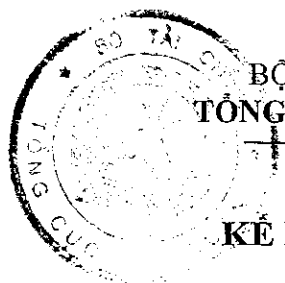
3. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì điều phối, giám sát, đôn đốc thực hiện tổng thể các nội dung trong kế hoạch, tổng hợp kết quả và báo cáo việc thực hiện kế hoạch này theo từng giai đoạn, thời kỳ;

4. Vụ Pháp chế phối hợp với Vụ Hợp tác Quốc tế trong việc theo dõi, rà soát đánh giá đảm bảo các cam kết quốc tế được đàm phán phù hợp, có tính khả thi và đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật;

5. Vụ Hợp tác Quốc tế chủ trì phối hợp với các đơn vị tiến hành rà soát, đề xuất, bổ sung sửa đổi kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu mới phát sinh.

TỔNG CỤC TRƯỞNG





Phụ lục
**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2016-2020
CỦA NGÀNH HẢI QUAN**

(Ban hành kèm theo quyết định số: **4429/QĐ-TCHQ** ngày 21 tháng 12 năm 2016)

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
1	Tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện			
1.1	Đôn đốc, theo dõi và giám sát việc thực hiện chương trình kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế của ngành Hải quan; Cập nhật, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành;	Vụ HTQT	Các đơn vị thuộc và trực thuộc (gọi tắt các đơn vị)	Định kỳ hàng tháng, quý & năm.
1.2	Rà soát xây dựng trình Lãnh đạo Tổng cục ban hành quy chế phối hợp công tác hợp tác hội nhập quốc tế của ngành Hải quan cho phù hợp với tình hình thực tiễn;	Vụ HTQT	Vụ TCCB	2016
1.3	Quản lý chặt chẽ và thực hành tiết kiệm trong việc cử đoàn ra, từng bước đảm bảo việc chọn cử các công chức tham gia các phiên họp phải đáp ứng được yêu cầu về ngoại ngữ và chuyên môn;	Vụ TCCB	Vụ HTQT	2016-2020
1.4	Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực làm công tác hội nhập	Vụ TCCB	Vụ HTQT Trường HQ Các đơn vị	2016-2020
1.5	Tổng kết và đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế 2016-2020 và xây dựng kế hoạch 2021-2025	Vụ HTQT	Các đơn vị thuộc và trực thuộc TC	Quý 2/2020
1.6	Định kỳ tổng hợp, báo cáo về kết quả khảo sát, học tập ở nước ngoài của các đoàn, từ đó kiến nghị, đề xuất các nội dung liên quan đến công tác quản lý hải quan.	Vụ HTQT	Vụ TCCB Các đơn vị	2016-2020
1.7	Định kỳ tổng hợp, đánh giá các tác động của việc tham gia, ký kết các hiệp định đối với công tác quản lý hải quan và tạo thuận lợi thương mại	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
1.8	Định kỳ xây dựng báo cáo đánh giá việc thực hiện các cam kết quốc tế trong các thỏa thuận và điều quốc tế liên quan đến hải quan, đề xuất các giải pháp.	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2	Hợp tác Song phương			
2.1	Nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền ra văn bản quy định việc cử đại diện Hải quan Việt Nam ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 96 của Luật Hải quan	Cục ĐTCBL	Vụ Pháp chế Vụ HTQT Vụ TCCB Các đơn vị	Tháng 6/2017
2.2	Nghiên cứu và xây dựng đề án cử đại diện thường trú Hải quan Việt Nam tại nước ngoài trình các cấp có thẩm quyền	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Vụ TCCB Các đơn vị	2017/2018
2.3	Đàm phán, ký kết và triển khai hiệp định Hợp tác và Trợ giúp lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và Hoa Kỳ	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị phụ trách các nội dung đề cập tại thỏa thuận	2016/2017
2.4	Theo dõi, đánh giá, cập nhật kết quả triển khai các nội dung trong thỏa thuận giữa TCHQ Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc; Tổng hợp xây dựng nội dung hợp tác và các đề xuất trao đổi giữa Lãnh đạo Hải quan hai nước trong hội đàm cấp cao thường niên.	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
2.5	Triển khai các nội dung trong thỏa thuận giữa TCHQ Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc về hợp tác chống buôn lậu	Cục ĐTCBL	Các đơn vị	2016-2020
2.6	Tổ chức Hội nghị Hải quan biên giới Việt Nam – Trung Quốc về phối hợp đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép các chất ma túy và hàng cấm qua biên giới.	Cục ĐTCBL	Vụ HTQT Cục HQ các tỉnh biên giới phía Bắc	2016-2020
2.7	Hội đàm hợp tác giữa Hải quan các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Hải Phòng với Hải quan Côn Minh Trung Quốc tuyến biên giới Tây Bắc và Hành lang Kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hải Phòng.	Cục HQ Lào Cai	Các HQ: Hà Giang, Điện Biên, Hải Phòng Vụ HTQT và các đơn vị liên	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
			quan	
2.8	Hội đàm hợp tác giữa Hải quan các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh với Hải quan Nam Ninh Trung Quốc.	Luân phiên giữa các Cục HQ Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh	Vụ HTQT và các đơn vị	2016-2020
2.9	Tham gia đàm phán, ký kết và chủ trì hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến hải quan trong hiệp định thương mại biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc.	Cục GSQL	Các đơn vị	2016/2017 2016-2020
2.10	Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Hải quan trong Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu trên đất liền giữa Việt Nam – Trung Quốc	Cục GSQL	Các đơn vị	2016-2020
2.11	Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Hải quan trong Hiệp định quy chế quản lý biên giới trên đất liền giữa Việt Nam – Trung Quốc	Cục GSQL	Cục ĐTCBL Cục HQ các tỉnh Biên giới	2016-2020
2.12	Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Hải quan trong Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam – Trung Quốc và các Nghị Định Thư sửa đổi có liên quan đến Hiệp định này.	Cục GSQL	Cục ĐTCBL Cục HQ các tỉnh Biên giới	2016-2020
2.13	Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Hải quan trong Hiệp định tàu thuyền đi lại tự do tại khu vực Sông Bắc Luân giữa Việt Nam – Trung Quốc.	Cục GSQL	Cục ĐTCBL Cục HQ tỉnh Quảng Ninh	2016-2020
2.14	Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến hải quan trong Hiệp định khai thác Thác Bản Giốc giữa Việt Nam – Trung Quốc	Cục GSQL	Cục ĐTCBL Cục HQ tỉnh Cao Bằng	2016-2020
2.15	Tổng hợp kết quả hợp tác, đề xuất biện pháp hợp tác hải quan Việt Nam – CPC theo các nội dung của Thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa TCHQ Việt Nam và TCHQ Cam Pu Chia cho Hội đàm thường niên giữa LĐ Hải quan Việt Nam – CPC, và hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các Cục HQ địa phương phía nam trong hợp tác với HQ Cam Pu Chia.	Vụ HTQT	Cục ĐTCBL Cục CNTT	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
2.16	Đàm phán, ký kết thỏa thuận hợp tác và trợ giúp trong lĩnh vực hải quan giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Bộ Tài chính - Kinh tế, Vương Quốc Cam Pu Chia	Vụ HTQT	Cục ĐTCBL Cục CNTT	5/2017
			Các đơn vị liên quan	
2.17	Hội đàm hợp tác, phối hợp công tác thực hiện giữa Hải quan các tỉnh biên giới: Gia Lai – Kon Tum, Đắk Lắk, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang Việt Nam với các đơn vị của Hải quan Cam Pu Chia	Cục Hải quan tỉnh	Vụ HTQT	2016-2020
2.18	Các vấn đề liên quan đến quản lý hải quan trong đàm phán biên giới đất liền Việt Nam - Cam Pu Chia	Cục GSQL	Các đơn vị liên quan	2016-2020
2.19	Các vấn đề liên quan đến quản lý hải quan trong hiệp định vận tải đường Bộ Việt Nam – Cam Pu Chia	Cục GSQL	Các đơn vị liên quan	2016-2020
2.20	Triển khai các nội dung liên quan đến đấu tranh chống buôn lậu trong thỏa thuận giữa TCHQ Việt Nam và TCHQ Cam Pu Chia	Cục ĐTCBL	Vụ HTQT Các Cục HQ tỉnh có đường biên giới	2016-2020
2.21	Triển khai Biên bản ghi nhớ giữa Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam và Bộ Tài chính nước CHDCND Lào về trao đổi thông tin và hỗ trợ điều tra trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới và gian lận thương mại ký ngày 27/10/2014	Cục ĐTCBL	Vụ HTQT	2016-2020
2.22	Triển khai các nội dung của biên bản ghi nhớ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Bộ Tài chính Lào về Hợp tác thống kê và trao đổi số liệu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ký ngày 27/10/2014	Cục CNTT và TK HQ	Vụ HTQT	6 tháng 2016-2020
2.23	Triển khai các nội dung của biên bản ghi nhớ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Bộ Tài chính Lào về triển khai thực hiện mô hình một cửa một lần dừng tại cặp cửa khẩu Lao Bảo – Đền Sa Vành ký ngày 27/10/2014	Cục HQ tỉnh Quảng Trị	Cục GSQL Vụ HTQT	2016/2019
2.24	Các vấn đề liên quan đến Hải quan trong đàm phán biên giới, mốc giới biên giới, cửa khẩu biên giới với Lào	Cục GSQL	Các đơn vị liên quan	2016-2020
2.25	Các vấn đề hải quan trong thực hiện hiệp định thương mại Việt – Lào và Hiệp định thương mại biên giới Việt – Lào	Cục GSQL	Cục TXNK	2016-2020
2.26	Các vấn đề hải quan trong Hiệp định Thương mại Biên giới Việt – Lào	Cục GSQL	Cục TXNK Cục ĐTCBL	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
			Các đơn vị liên quan	
2.27	Các vấn đề hải quan trong thực hiện hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam Lào; các hiệp định quá cảnh Việt Nam – Lào	Cục GSQL	Cục TXNK Cục ĐTCBL Các đơn vị liên quan	2016-2020
2.28	Hợp tác phối hợp trao đổi kinh nghiệm giữa HQ Hà Nội với HQ Sân bay Viên Chăn – Lào	Cục HQHN	Vụ HTQT	2016-2020
2.29	Hợp tác phối hợp công tác trao đổi kinh nghiệm giữa HQ Điện Biên và HQ các tỉnh Miền Bắc nước Lào	Cục HQ tỉnh Điện Biên	Vụ HTQT	2016-2020
2.30	Hợp tác phối hợp công tác, trao đổi kinh nghiệm giữa HQ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và HQ các tỉnh Miền Trung nước Lào	Luân phiên giữa các Cục trong cụm	Vụ HTQT	2016-2020
2.31	Hợp tác phối hợp công tác, trao đổi kinh nghiệm giữa HQ Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Kon Tum, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam các tỉnh Miền Nam nước Lào	Luân phiên giữa các Cục trong cụm	Vụ HTQT	2016-2020
2.32	Tổ chức các chương trình hỗ trợ kỹ thuật dành cho Hải quan Lào	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
2.33	Xây dựng nội dung chương trình rà soát đánh giá và đôn đốc triển khai các hoạt động hợp tác Việt Lào.	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
2.34	Hội nghị Hợp tác Hải quan giữa TCT HQ Việt Nam và Lào	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
2.35	Hội nghị Hợp tác Hải quan song phương giữa TCT Hải quan Việt Nam – Hàn Quốc	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
2.36	Đàm phán, ký kết và triển khai Thỏa thuận Công nhận lẫn nhau AEO với Hàn Quốc	Cục KTSTQ	Vụ HTQT Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016/2017
2.37	Đàm phán, ký kết và triển khai Hiệp định Hải quan Việt Nam – Séc	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.38	Đàm phán, ký kết và triển khai Hiệp định Hải quan Việt Nam – Armenia	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.39	Đàm phán, ký kết và triển khai Thỏa thuận HQ Việt Nam – Myanmar	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.40	Đàm phán, ký kết và triển khai HĐ HQ Việt Nam – UAE	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế	2017

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
			Các đơn vị	
2.41	Đàm phán, ký kết và triển khai HĐ HQ với Kazakhstan	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.42	Đàm phán, ký kết và triển khai Hiệp định Hải quan Việt Nam – Israels	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.43	Đàm phán, ký kết và triển khai Hiệp định Hải quan Việt Nam – Hà Lan	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.44	Đàm phán, ký kết và triển khai HĐ HQ Việt Nam – Canada	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.45	Đàm phán, ký kết và triển khai HĐ HQ Việt Nam – Mehico	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
2.46	Đàm phán, ký kết và triển khai Nghị định thư trao đổi dữ liệu điện tử trước khi hàng đến giữa Việt Nam và Liên Bang Nga	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2017/2018
2.47	Triển khai chung các hiệp định/thỏa thuận hợp tác hải quan với các đối tác: Tổng hợp kết quả, khó khăn vướng mắc, biện pháp thúc đẩy thực hiện: Nga, Belarus, Ucraina, Azerbaijan, Mông Cổ, Italia, Pháp, Iran, Hàn Quốc, Úc, New Zealand, Peru, Achentina, Cuba, Ấn Độ, Hồng Kông, Đài Loan,...	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016/2017
2.48	Triển khai các nội dung về hợp tác trợ giúp lẫn nhau trao đổi thông tin tình báo trong đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép các chất ma túy và hàng cấm qua biên giới với các đối tác đã ký kết thỏa thuận /hiệp định: Nga, Belarus, Ucraina, Azerbaijan, Mông Cổ, Italia, Pháp, Iran, Hàn Quốc, Úc, New Zealand, Peru, Achentina, Cuba, Ấn Độ, Hồng Kông, Đài Loan,...	Cục ĐTCBL	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016/2017
3	Hợp tác Hải quan ASEAN			
3.1	Các vấn đề Hải quan và hội nhập kinh tế ASEAN: Hội nghị Thượng đỉnh, Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế, Hội nghị Bộ Trưởng Tài chính, Hội nghị quan chức kinh tế ASEAN (SEOM) và các hội nghị cấp cao khác	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
3.2	Hội nghị Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
3.3	Ủy ban Điều phối Hải quan ASEAN (CCC)	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Vụ TCCB	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
			Cục KTSQT Cục GSQL Cục ĐTCBL	
3.4	Nhóm đặc trách về quy tắc xuất xứ ASEAN (ROO Task force)	Cục GSQL	Cục KTSTQ	2016-2020
3.5	Ủy ban Điều phối Thực hiện Thương mại hàng hóa ASEAN (CCA)	Cục GSQL	Cục CNTT Cục TXNK Vụ HTQT Vụ Pháp chế	2016-2020
3.6	Nhóm làm việc về Thủ tục Hải quan và tạo thuận lợi thương mại ASEAN	Cục GSQL	Cục CNTT Cục TXNK Vụ HTQT Vụ Pháp chế Các đơn vị khác	2016-2020
3.7	Nhóm đặc trách về quá cảnh ASEAN (ACTS)	Cục GSQL	Cục CNTT Cục TXNK Vụ HTQT Vụ Pháp chế Các đơn vị khác	2016-2020
3.8	Nhóm đặc trách về Danh mục Biểu thuế Hải hòa ASEAN (AHTN)	Cục TXNK	Vụ HTQT Vụ Pháp chế Cục Kiểm định Cục GSQL Trường HQ Các đơn vị khác	2016-2020
3.9	Nhóm làm việc về Xây dựng năng lực HQ ASEAN	Vụ TCCB	Trường HQ Vụ HTQT Ban CCHDH	2016-2020
3.10	Nhóm làm việc về Kiểm soát và Tuân thủ HQ ASEAN	Cục ĐTCBL	Cục KTSTQ	2016-2020
3.11	Ủy ban Chỉ đạo thực hiện cơ chế một cửa ASEAN và các nhóm làm việc	Cục CNTT	Cục GSQL	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	về pháp lý, kỹ thuật... trực thuộc UB chỉ đạo ASW.		Vụ Pháp chế Vụ HTQT	
4	Hiệp định Tạo thuận lợi Vận tải qua biên giới GMS-CBTA			
4.1	Theo dõi chung GMS CBTA và tập hợp các kiến nghị vướng mắc liên quan để trao đổi trên bình diện khu vực	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
4.2	Hướng dẫn triển khai thực hiện Hiệp định GMS – CBTA	Cục GSQL	Cục CNTT Cục TXNK Vụ HTQT Vụ Pháp chế	2016-2020
4.3	Tham gia đàm phán, ký kết và chủ trì triển khai các MOU thực hiện đầy đủ Hiệp định CBTA – GMS tại các cặp cửa khẩu thay thế cho các MOU đã ký thực hiện thí điểm ban đầu trước đây tại các cặp cửa khẩu;	Vụ HTQT	Cục CNTT Cục TXNK Cục GSQL Vụ Pháp chế	2016/2017
4.4	Ủy ban Hỗn hợp GMS (Hội nghị Bộ trưởng GMS)	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
4.5	Tiểu ban Hải quan trong GMS	Cục GSQL	Cục CNTT Cục TXNK Vụ HTQT Vụ Pháp chế	2017/2018
4.6	Đôn đốc, theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện, vướng mắc khó khăn trong triển khai các nội dung trong khuôn khổ hợp tác tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Cam Pu Chia; Mê Kông – Nhật Bản; Mê Kông – Lan Thương; Hạ Mê Kông – Hoa Kỳ	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
5	ASEM, APEC và các khuôn khổ khác			
5.1	Tổ chức các hoạt động APEC Việt Nam 2017 theo đề án đã được phê duyệt	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016/2017
5.2	Điều phối triển khai các hoạt động trong hợp tác HQ APEC	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
5.3	Điều phối triển khai các hoạt động trong hợp tác HQ ASEM	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
5.4	Điều phối hợp tác trong các khuôn khổ khác như: UN, WB, ADB ...	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
6	WTO			
6.1	Hiệp định Trị giá Hải quan	Cục TXNK	Cục KTSQT Các đơn vị	2016-2020

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
6.2	Hiệp định Xuất xứ Hàng hóa	Cục GSQL	Cục KTSQT Các đơn vị	2016-2020
6.3	Hiệp định TRIPS	Cục GSQL	Cục ĐTCBL Vụ Pháp chế	2016-2020
6.4	Hiệp định TFA	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
6.5	Xây dựng CSDL tổng hợp theo dõi và đánh giá thực hiện các cam kết WTO	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
7	WCO			
7.1	Xây dựng CSDL tổng hợp để theo dõi tổng hợp kết quả hợp tác và đề xuất các biện pháp tăng cường hiệu quả	Vụ HTQT	Tham tán tại Brussels Các đơn vị	2016-2020
7.2	Ủy ban Kiểm soát của WCO và các Nhóm làm việc trực thuộc gồm Nhóm làm việc về gian lận thương mại; Nhóm Thực hiện dự án Chiến lược Thông tin tình báo toàn cầu; Nhóm làm việc về hàng giả hàng nhái; Nhóm làm việc về tội phạm công nghệ cao.	Cục ĐTCBL	Cục TXNK Cục QLRR Cục CNTT Cục KTSQT Tham tán HQ	2016-2020
7.3	Ủy ban HS, Tiểu ban Sửa đổi HS, Tiểu ban Khoa học, Nhóm làm việc về HS Công ước HS và các vấn đề về phân loại hàng hóa.	Cục TXNK	Cục Kiểm định Vụ HTQT	2016-2020
7.4	UB Kỹ thuật về Trị giá HQ và Nhóm chuyên môn về chuyên giá	Cục TXNK	Cục KTSQT Vụ HTQT Cục ĐTCBL	2016-2020
7.5	Các vấn đề thủ tục và tạo thuận lợi: UBKT thường trực; Tiểu ban Quản lý Thông tin, Công ước Tokyo Sửa đổi; Công ước Istanbul; Công ước ATA	Cục GSQL	Vụ HTQT Các đơn vị	2016-2020
7.6	UB Kỹ thuật về Xuất xứ hàng hóa	Cục GSQL	Vụ HTQT Các đơn vị	2016-2020
7.7	Công ước Kyoto và các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ và thủ tục	Cục GSQL	Vụ HTQT Các đơn vị	2016-2020
7.8	UB Xây dựng Năng lực, Tiểu ban Liêm chính Hải quan	Vụ TCCB	Trưởng HQ Thanh Tra	2016-2020
7.9	Hội đồng Hợp tác Hải quan; UB Chính sách chung, UB Tài chính	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
7.10	Đề án nghiên cứu tham gia Công ước Hải quan về công-ten-no	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2017

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
7.11	Đề án nghiên cứu tham gia Công ước Hải quan về việc tạm nhập phương tiện giao thông đường bộ cho mục đích thương mại	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2018
7.12	Đề án nghiên cứu tham gia Công ước quốc tế về hài hòa hóa việc kiểm soát hàng hóa tại khu vực biên giới	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2019
7.13	Đề án nghiên cứu tham gia Công ước hải quan về vận chuyển hàng hóa quốc tế theo Công ước TIR	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2020
8	FTA			
8.1	Chủ trì triển khai thực hiện các FTA giữa ASEAN với Trung Quốc; Ấn Độ, Úc – New Zealand; Hàn Quốc; Nhật Bản (ASEAN + 1); Hồng Kông.	Cục GSQL	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
8.2	Chủ trì triển khai thực hiện các FTA song phương đã ký kết giữa Việt Nam với Chi-Lê, Hàn Quốc, Nhật Bản,....	Cục GSQL	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
8.3	Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến hải quan bao gồm cả các hàng rào kỹ thuật và phi thuế quan đối với thương mại hàng hóa trong TPP, EVFTA, EFTA; VN-EAEUFTA; RCEP;	Cục GSQL	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
8.4	Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các Biểu thuế theo các FTA Việt Nam tham gia ký kết	Cục TXNK	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
8.5	Tham gia đàm phán về quy tắc xuất xứ trong các FTA	Cục GSQL	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
8.6	Tham gia đàm phán các vấn đề chung về quản lý hải quan trong các FTA	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
8.7	Xây dựng CSDL theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các cam kết trong các FTA	Vụ HTQT	Vụ Pháp chế Các đơn vị	2016-2020
9	Tìm kiếm vận động các nguồn tài trợ			
9.1	Xây dựng danh mục ưu tiên kêu gọi tài trợ nước ngoài	Vụ HTQT	Các đơn vị	Quý1/2017
9.2	Vận động tìm kiếm các nguồn tài trợ cho danh mục	Vụ HTQT	Các đơn vị	2016-2020
9.3	Thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật của WCO, JICA, USAid, KOICA, Norad, IAEA, ADB, các đối tác song phương khác	Các BQLDA Vụ HTQT	Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện	2016-2020
10	Tuyên truyền đối ngoại			
10.1	Án phẩm giới thiệu Hải quan Việt Nam hàng năm (Country Report)	Vụ HTQT	Văn phòng	Hàng năm
10.2	Thu thập, tổng hợp, phân tích và xây dựng các bản tin hải quan quốc tế	Vụ HTQT	Báo Hải quan	4 bản tin

TT	Nội dung, hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	theo định kỳ hoặc đột xuất và các tài liệu hợp tác và hội nhập liên quan đến hải quan (lưu hành nội bộ) phục vụ công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành và tham khảo cho các công tác nghiệp vụ chuyên môn			/năm
10.3	Xây dựng các ấn phẩm chuyên đề, tặng phẩm, tư liệu, để trao đổi, chia sẻ với Hải quan các nước đối tác	Vụ HTQT	Các đơn vị trực thuộc TC	2016-2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN

www.LuatVietnam.vn